

BÁO CÁO CÔNG KHAI

**Theo Thông từ 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và
Đào tạo, năm học 2025-2026**

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG THPT PHẠM VĂN ĐỒNG

1. Địa chỉ:

Địa chỉ : 66 Chu Văn An, thôn 2, xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng

Email: c3phamvandong.daknong@moet.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: <http://c3phamvandong.daknong.edu.vn>

Loại hình của cơ sở giáo dục, Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở GD-ĐT tỉnh Lâm Đồng

Nhiệm vụ: Giáo dục THPT

2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mệnh: Xây dựng môi trường học tập thân thiện, có chất lượng, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển toàn diện bản thân và tư duy sáng tạo.

- Tầm nhìn: Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, hạnh phúc, chất lượng, là địa chỉ tin cậy cho mọi học sinh có khát vọng vươn cao.

- Mục tiêu giáo dục:

Tăng cường nề nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác giáo dục. Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của đội ngũ trong công tác giáo dục.

Từng bước nâng cao chất lượng dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn, học đi đôi với hành, quan tâm tới trang bị kỹ năng nhất là kỹ năng mềm, kỹ năng sống cho học sinh. Quyết tâm xây dựng hình ảnh của nhà trường trước nhân dân, từng bước tạo niềm tin trong phụ huynh học sinh và toàn xã hội. Thực hiện đổi mới CTGD coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực người học chú trọng giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho HS.

Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông, đề cao tinh thần đổi mới và sáng tạo trong quản lý và các hoạt động giáo dục. Tập trung đổi mới phong cách, nâng cao hiệu quả công tác quản lý đối với đội ngũ. Tiếp tục thực hiện đổi mới toàn diện hoạt động quản lý nhà trường theo hướng chuẩn hóa, khoa học, hiệu quả. Tăng cường chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, linh hoạt chương trình kế hoạch giáo dục nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục.

Đổi mới phương pháp dạy học. Tổ chức dạy học khoa học, linh động chú trọng tới đối tượng học sinh. Không ngừng đổi mới trong phương pháp dạy và trong đánh giá học sinh, giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp dạy học từ tiếp cận kiến thức chuyển sang tiếp cận năng lực học sinh. Giáo viên chủ động thiết kế bài giảng linh hoạt khoa học, hợp lý các hoạt động của giáo viên và học sinh. Tăng cường đổi mới công tác sinh hoạt chuyên môn; đa dạng hóa các hoạt động dạy và học, chú trọng các hoạt động trải nghiệm và sáng tạo, nghiên cứu khoa học của giáo viên và học sinh. Tổ chức thường xuyên công tác hướng nghiệp cho học sinh.

Xây dựng môi trường học tập thân thiện, lành mạnh, tích cực, an toàn với cơ sở vật chất, cảnh quan xanh sạch đẹp, tổ chức nhiều hoạt động giáo dục, VH- TT, sinh hoạt tập thể vui tươi, lành mạnh, tạo không khí đoàn kết, thân ái, thi đua học tập. Huy động thêm nhiều sự tham gia, quan tâm hợp tác, cộng đồng trách nhiệm của các Đoàn thể, CMHS và toàn xã hội đối với nhà trường.

Đánh giá học sinh đảm bảo khách quan, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh. Xây dựng ngân hàng đề kiểm tra cả chương trình, hợp lý giữa hình thức trắc nghiệm và tự luận. Giáo viên khi chấm kiểm tra phải có lời nhận xét động viên, theo dõi sự cố gắng tiến bộ của học sinh. Hướng dẫn học sinh đánh giá lẫn nhau và biết tự đánh giá năng lực của mình.

3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Cấp 2-3 Đắk R'Lấp (Nay là Trường THPT Phạm Văn Đồng) được thành lập theo Quyết định số 491/QĐ-UB ngày 24 tháng 8 năm 1992 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ nhà trường tại số : 66 Chu Văn An, thôn 2, xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng.

Trụ sở nhà trường có diện tích rộng 19452 m² đóng trên địa bàn xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng. Địa bàn tuyển sinh của nhà trường gồm 03 xã: xã Kiến Đức, xã Quảng Tín, Quảng Tân. Đây có 1 số vùng là những xã thuộc vùng sâu, vùng xa của tỉnh. Hầu hết người dân đều làm nông nghiệp, đời sống đang còn có nhiều khó khăn.

Trong những năm học qua, được sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Sở GD&ĐT tỉnh Lâm Đồng, nhà trường đã có những bước tiến vững chắc trong hoạt động dạy - học và xây dựng nhà trường vững mạnh. Trường đạt chuẩn Quốc gia năm 2013 chuẩn lại 2019, 2025.

Năm học 2025-2026 nhà trường có 78 cán bộ, giáo viên, nhân viên (03 CBQL; 67 giáo viên biên chế, 2 giáo viên hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ; 5 nhân viên và 1 hợp đồng hỗ trợ, phục vụ). Đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên nhiệt tình, có tinh thần đoàn kết và trách nhiệm cao với mọi công việc được giao, năng lực chuyên môn vững, tận tụy, hết lòng vì học sinh, yên tâm với nghề và thực sự yêu nghề. CB, GV, NV đều đạt chuẩn, đây là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục.

Tính đến đầu năm học 2025- 2026, trường có 30 lớp với 1270 học sinh.

4. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Họ và tên: Lê Thế Hiển

Chức vụ: Hiệu trưởng. Địa chỉ 66 Chu Văn An, thôn 2, xã Kiên Đức, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 0947147678

Thư điện tử: thehiendn@gmail.com

5. Tổ chức bộ máy:

a) Trường Cấp 2-3 Đăk R'Lấp (Nay là Trường THPT Phạm Văn Đồng) được thành lập theo Quyết định số 491/QĐ-UB ngày 24 tháng 8 năm 1992 của UBND tỉnh Đăk Lăk

b) Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số: 982/QĐ-SGDĐT ngày 04/09/2024 về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục đối với ông Lê Thế Hiển

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng: Quyết định bổ nhiệm lại Phó hiệu trưởng số 1506/QĐ- SGDĐT ngày 10/12/2024 về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục đối với bà Phạm Thị Hồng.

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng Quyết định bổ nhiệm lại Phó hiệu trưởng số 2322/QĐ- SGDĐT ngày 28/09/2021 về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục đối ông Nguyễn Tin.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

+ Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục: Thực hiện giảng dạy, giáo dục theo chương trình GDPT 2018;

+ Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường: Theo Điều lệ Trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học: Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT. Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường. Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật. Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương. Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương. Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

+ Cơ cấu tổ chức của trường: Thực hiện theo Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Cơ cấu tổ chức nhà trường gồm: hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua, khen thưởng; hội đồng kỉ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; lớp học sinh.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục.

+ Hiệu trưởng:

Chức vụ: Hiệu trưởng. Địa chỉ làm việc 66 Chu Văn An, thôn 2, xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 0947147678

Thư điện tử: thehiendn@gmail.com

+ Phó Hiệu trưởng:

Họ và tên: Nguyễn Tin - Địa chỉ làm việc: Địa chỉ 66 Chu Văn An, thôn 2, xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng

- Điện thoại: 0986303138

Thư điện tử: nguyentindn@gmail.com

+ Phó Hiệu trưởng: Phạm Thị Hồng- Địa chỉ làm việc: Địa chỉ 66 Chu Văn An, thôn 2, xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng

- Điện thoại: 0905438777

Thư điện tử: hongpvd@gmail.com

6. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

+ Quyết định công nhận trường đạt chuẩn quốc gia: Quyết định số 1138/QĐ-SGDĐT ngày 15/6/2025 của Sở GD&ĐT Đắk Nông về việc cấp bằng công nhận Trường THPT Phạm Văn Đồng đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

+ Ban hành Quy chế làm việc của Trường THPT Phạm Văn Đồng: Số 194 /QĐ-THPTPVĐ, ngày 07/10/2025 về Quyết định Ban hành Quy chế làm việc của Trường THPT Phạm Văn Đồng

+ Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Số 167 /QĐ-THPTPVĐ, ngày 29/09/2025 về Quyết định ban hành kèm theo Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động nhà trường ; Quyết định Số 169/QĐ-THPTPVĐ ngày 29/09/2025 của Trường về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động nhà trường.

+ Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính: Quyết định số 14/QĐ/THPT-PVĐ ngày 18/01/2025 của Trường THPT Phạm Văn Đồng về việc Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 của Trường THPT Phạm

Văn Đồng;

+ Quyết định Số 160 /QĐ-THPTPVĐ ngày 22/9/2025 của Trường THPT Phạm Văn Đồng về việc phân công nhiệm vụ lãnh đạo.

+ Quyết định Số 161 /QĐ-THPTPVĐ ngày 22/9/2025 của Trường THPT Phạm Văn Đồng về việc phân công nhiệm vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học 2025-2026.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo: 78 người

Trình độ CM	Tổng số	Dân tộc	Đảng viên			CBQL	Giáo viên			Nhân viên		
			Tổng số	Nữ	dân tộc		Tổng số	Biên chế	HĐ	Tổng số	Biên chế	HĐ
Thạc sỹ	5	0	4	1	0	3	2	2	0	0	0	0
ĐH	70	2	37	21	1	0	67	65	2	3	3	0
CĐ	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Khác	2	0	1	1	0	0	0	0	0	2	1	1
Tổng	78	2	42	23	1	3	69	67	2	6	5	1

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định 72/72 (100%)

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 100% đội ngũ.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Diện tích trường hiện nay là 19452 m² ; Diện tích xây dựng, diện tích sân chơi, bãi tập đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục

vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	32	3,008 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	32	3,008m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	9	0,69m ² /học sinh
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	32	1 lớp/phòng
7	Bình quân lớp/phòng học	1	1 lớp/phòng
8	Bình quân học sinh/lớp	41	45 HS/lớp
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	19.588,2 m²	13,47 m ² /học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	9.023,77 m²	6,2m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	6.441,08 m²	4,42m ² /học sinh
1	Diện tích phòng học (m ²)	4.374,5 m ²	3,00m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	1.081,88 m ²	0,74m ² /học sinh
3	Diện tích thư viện (m ²)	55 m ²	0,038m ² /học sinh
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	550,4 m ²	0,378m ² /học sinh
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m²)</i>	379,3 m ²	0,26m ² /học sinh
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	66 bộ	2 bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	195 bộ	6,09 bộ/lớp
1.1	Khối lớp 10	12 bộ	1 bộ/lớp

1.2	Khối lớp 11	0 bộ	0 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 12	44 bộ	5,5 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	129 bộ	4,03 bộ/lớp
2.1	Khối lớp 10	53 bộ	4,8 bộ/lớp
2.2	Khối lớp 11	65 bộ	5.4 bộ/lớp
2.3	Khối lớp 12	21 bộ	2,3 bộ/lớp
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1	280 m ²
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	78	18,6 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	35	1,09 thiết bị/lớp
2	Cát xét	5	0,15 thiết bị/lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	6	0,18 thiết bị/lớp
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	9	0,281 thiết bị/lớp
5	Thiết bị bảng tương tác	1	0,031 thiết bị/lớp
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	35	1,09 thiết bị/lớp
2	Cát xét, loa Bluetooth	10	0,31 thiết bị/lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	6	0,18 thiết bị/lớp
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	9	0,281 thiết bị/lớp
5	Thiết bị bảng tương tác	1	0,031 thiết bị/lớp
	Nội dung	Số lượng (m²)	
X	Nhà bếp		
XI	Nhà ăn		
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Số m ² /học sinh
		Chung Nam/Nữ	Chung Nam/Nữ

1	Đạt chuẩn vệ sinh*	53,2 m ²		149,5 m ²		0,134 m ² /học sinh
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
	Nội dung			Có	Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh			x		
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)			x		
XVII	Kết nối internet			x		
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường			x		
XIX	Tường rào xây			x		

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Danh mục sách giáo khoa thực hiện theo danh mục đã được cấp thẩm quyền phê duyệt được công khai trên trang Website.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia Trong 5 năm gần đây, nhà trường thực hiện đánh giá ngoài về kiểm định chất lượng giáo dục Đạt mức 2 kiểm định chất lượng và đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1. Trường đã được công nhận Chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2013 và công nhận chuẩn lại 2019, 2025.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế

a) Kết quả tuyển sinh năm học 2025-2026

Tên lớp	SL	SL Nữ	Tỉ lệ(%)	Dân Tộc	Tỉ lệ(%)	Nữ Dân tộc	Tỉ lệ(%)	Nội Trú	Tỉ lệ(%)	Bán Trú	Tỉ lệ(%)
10A1	48	28	58.33	8	16.67	7	14.58	0	0.00	0	0.00
10A2	46	25	54.35	10	21.74	6	13.04	0	0.00	0	0.00
10A3	48	27	56.25	8	16.67	7	14.58	0	0.00	0	0.00
10A4	44	20	45.45	7	15.91	4	9.09	0	0.00	0	0.00

10A5	43	21	48.84	6	13.95	5	11.63	0	0.00	0	0.00
10A6	44	18	40.91	7	15.91	4	9.09	0	0.00	0	0.00
10A7	34	17	50.00	2	5.88	1	2.94	0	0.00	0	0.00
10A8	38	21	55.26	2	5.26	1	2.63	0	0.00	0	0.00
10A9	33	14	42.42	4	12.12	4	12.12	0	0.00	0	0.00
Khối 10	378	191	50.53	54	14.29	39	10.32	0	0.00	0	0.00
11A1	48	41	85.42	4	8.33	3	6.25	0	0.00	0	0.00
11A3	47	26	55.32	7	14.89	7	14.89	0	0.00	0	0.00
11A4	47	26	55.32	13	27.66	8	17.02	0	0.00	0	0.00
11A5	48	27	56.25	9	18.75	8	16.67	0	0.00	0	0.00
11A6	43	33	76.74	2	4.65	2	4.65	0	0.00	0	0.00
11A7	46	26	56.52	7	15.22	5	10.87	0	0.00	0	0.00
11A8	45	18	40.00	4	8.89	2	4.44	0	0.00	0	0.00
11A9	41	18	43.90	2	4.88	1	2.44	0	0.00	0	0.00
11A10	39	17	43.59	4	10.26	2	5.13	0	0.00	0	0.00
11A2	43	31	72.09	4	9.30	4	9.30	0	0.00	0	0.00
Khối 11	447	263	58.84	56	12.53	42	9.40	0	0.00	0	0.00
12A1	40	28	70.00	10	25.00	8	20.00	0	0.00	0	0.00
12A2	40	27	67.50	12	30.00	8	20.00	0	0.00	0	0.00
12A3	37	19	51.35	5	13.51	2	5.41	0	0.00	0	0.00
12A4	38	22	57.89	5	13.16	4	10.53	0	0.00	0	0.00
12A5	39	15	38.46	8	20.51	4	10.26	0	0.00	0	0.00
12A6	41	24	58.54	6	14.63	4	9.76	0	0.00	0	0.00
12A7	39	25	64.10	1	2.56	1	2.56	0	0.00	0	0.00
12A8	43	24	55.81	1	2.33	1	2.33	0	0.00	0	0.00
12A9	40	12	30.00	2	5.00	1	2.50	0	0.00	0	0.00
12A10	40	15	37.50	2	5.00	1	2.50	0	0.00	0	0.00
12A11	41	21	51.22	1	2.44	1	2.44	0	0.00	0	0.00
Khối 12	438	232	52.97	53	12.10	35	7.99	0	0.00	0	0.00
Toàn Trường	1263	686	54.32	163	12.91	116	9.18	0	0.00	0	0.00

b. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo:

Kết quả xếp loại học lực năm học 2024 – 2025

STT	Sĩ số	Kết quả học tập năm học 2024-2025							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG	1417	301	21.24%	540	38.11%	471	33.24%	105	7.41%

Khối 10	475	85	17.89%	132	27.79%	215	45.26%	43	9.05%
Khối 11	456	85	18.64%	146	32.02%	163	35.75%	62	13.60%
Khối 12	486	131	26.95%	262	53.91%	93	19.14%	0	0.00%

Kết quả xếp loại Hạnh kiểm/rèn luyện năm học 2024 – 2025

STT	Sĩ số	Kết quả rèn luyện 2024-2025							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG	1417	1182	83.42%	218	15.38%	16	1.13%	1	0.07%
Khối 10	475	365	76.84%	101	21.26%	8	1.68%	1	0.21%
Khối 11	456	351	76.97%	102	22.37%	3	0.66%	0	0.00%
Khối 12	486	466	95.88%	15	3.09%	5	1.03%	0	0.00%

c) Số lượng học sinh tốt nghiệp THPT năm 2025: 483/488, tỷ lệ 98.89%.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): Không có

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác)

- Thông tin liên lạc: 50.450.000 đồng

- Thuê dọn vệ sinh: 56.000.000 đồng

- Khảo thí: 58.500.000 đồng

- Tài trợ: 0 đồng

- Khuyến học: 204.600.000 đồng

Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ

phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

+ Ngân sách nhà nước năm 2025:	17.324.000.000 đồng
+ Chi lương, phụ cấp và thu nhập:	10.979.483.000 đồng (tới tháng 9)
+ Bảo hiểm xã hội, y tế, CĐ, TN:	1.796.565.000 đồng (tới tháng 9)
+ Chi cơ sở vật chất:	24.490.000 đồng (tới tháng 9)
+ Chi khác:	679.926.000 đồng (tới tháng 9)
+ Chi chuyên môn:	299.778.000 đồng (tới tháng 9)

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trung học Năm học 2025-2026, Trường THPT Phạm Văn Đồng đã triển khai văn bản:

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông và Thông tư số 13/2022/TTBGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số nội dung trong Chương trình Giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 46/2020/TT-BGDĐT ngày 24/11/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình môn giáo dục quốc phòng và an ninh cấp trung học phổ thông; Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/07/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Công văn số 4555/BGDĐT-GDTrH ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025-2026; Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Quyết định ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục Mầm non, GDPT và GDTX trên địa bàn tỉnh; Công văn số 647/SGDĐT-GDTrH ngày 31/8/2025 của Sở GD&ĐT Lâm Đồng v/v Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDTrH năm học 2025-2026;

Đã xây dựng các kế hoạch triển khai: Xây dựng Kế hoạch Giáo dục của nhà trường năm học 2025-2026 số 148/KH-THPTPVĐ, ngày 16/9/2025; Kế hoạch Số:158 /KH-THPTPVĐ ngày 19/9/2025 về quản lý, sử dụng cơ sở vật chất năm học 2025-2026; Kế hoạch số 28-KH/THPTPVĐ ngày 11/2/2025 về việc phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2025; Kế hoạch số 34 -KH/THPTPVĐ ngày 29/2/2024 về Tuyên truyền, giáo dục bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Kế hoạch số 141/KH-PA/THPTPVĐ, ngày 9/9/2024 về Phòng chống tệ nạn xã hội năm học 2024-2025; Kế hoạch số 142-KH/THPTPVĐ ngày 10/9/2024 về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh năm học 2024-2025; Kế hoạch số 144-KH/THPTPVĐ ngày 13/9/2024 về Công tác pháp chế năm học 2024-2025; Báo cáo số 177-BC/THPTPVĐ ngày 14/10/2024 về Sơ kết 05 năm thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng; Kế hoạch số 10-KH/THPTPVĐ ngày 9/1/2025 về Tuyên truyền, phổ biến Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và các văn bản chi tiết hướng dẫn thi hành tại trường THPT Phạm văn Đồng năm 2025; Kế hoạch số 35-KH/THPTPVĐ ngày 20/2/2025 về Theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2025; Kế hoạch số 71-KH/THPTPVĐ, ngày 25/4/2025 về Thực hiện Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 28/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/1/2025 của Chính phủ và Chương trình số 93-CTr/TU ngày 27/2/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo.

2. Việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Đảm bảo việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục đến toàn thể GV nhà trường; chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục. 100% tổ chuyên môn xây dựng, triển khai KHGD. 100% giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Thực hiện theo tinh thần Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD & ĐT về việc ban hành CTGDPT 2018;

- Tổ chức triển khai Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm

2021 của Bộ GD & ĐT về việc quy định đánh giá, xếp loại học sinh THCS, THPT.

+ Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ GD & ĐT về việc quy định việc lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT;

+ 100% GV được tham gia tập huấn chuyên môn, tập huấn lựa chọn SGK.

3. Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình GDPT

a) Đối với môn Tiếng Anh Trường có 08 giáo viên dạy môn Tiếng Anh, dạy Tiếng Anh cho tất cả các lớp học theo quy định.

b) Đối với môn Tin học và việc tổ chức hoạt động giáo dục tin học

Trường có 04 giáo viên dạy môn Tin học, có 02 phòng máy với 70 máy vi tính.

Công tác triển khai chuyển đổi số, thực hiện triển khai Học bạ số: Đối với việc triển khai chuyển đổi số, giáo dục kỹ năng công dân số Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết, điều hành công việc. Ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chỉ đạo. Đẩy mạnh hoạt động, cập nhật thông tin kịp thời, đa dạng, phong phú về nội dung và hình thức các trang thông tin phù hợp.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động về chuyển đổi số.

Phát huy vai trò của lãnh đạo nhà trường, công đoàn, đoàn thanh niên trong việc hỗ trợ viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

Thúc đẩy phát triển chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục; Đẩy mạnh công tác sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Tăng cường ứng dụng chữ ký số.

Khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin quản lý, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ tốt công tác quản lý của đơn vị. GV thực hiện các nội dung quản lý, đánh giá học sinh trên CSDL; báo cáo kết quả hoạt động giảng dạy, giáo dục trên hệ thống cơ sở dữ liệu; tham gia sinh hoạt, hội họp qua Google Meet... khi cần thiết.

Thực hiện các dịch vụ công phục vụ học sinh, phụ huynh học sinh như khoản thu không sử dụng tiền mặt, sử dụng hóa đơn điện tử.

Đối với việc triển khai Học bạ số: năm học 2025-2026 triển khai thực hiện học bạ số đối với khối lớp 10,11, 12. Phối hợp với đơn vị cung cấp tổ chức tập huấn để 100% cán bộ quản lý và giáo viên thực hiện thuần thục, có hiệu quả.

Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018 Nhà trường đã tổ chức triển khai thực hiện nội dung giáo dục địa phương, gồm những vấn đề cơ bản, mang tính thời sự về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp của địa phương nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, có trách nhiệm với cộng đồng, biết trân quý và phát huy văn hóa truyền thống quê hương, phát triển năng lực và phẩm chất, ý thức tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn của địa phương. Các nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo tài liệu hướng dẫn

Nâng cao hiệu quả việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

4. Tổ chức học 2 buổi/ ngày theo quy định của Bộ GD&ĐT và theo tình hình thực tế nhà trường.

5. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học - Giáo viên tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, quan tâm phát hiện và biết bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu, đồng thời có kế hoạch và biện pháp phụ đạo các học sinh còn hạn chế về học tập.

100% giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

Nhà trường đẩy mạnh việc thực hiện quyền tự chủ cho tổ chuyên môn trong lựa chọn các chủ đề, rà soát nội dung các bài học trong sách giáo khoa hiện hành tương ứng để sắp xếp lại thành một số bài học tích hợp của từng môn học hoặc liên môn; xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ, kết hợp sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung giải quyết các vấn đề: Dạy học phát triển năng lực; nghiên cứu bài học; dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm trong tổ; triển khai các nội dung chuyên môn mới; theo dõi ghi nhận sự tiến bộ của học sinh, đưa ra các biện pháp giúp đỡ học sinh còn hạn chế về học tập; đề xuất các biện pháp rèn phẩm chất, năng lực học sinh; tổ chức các chuyên đề đi sâu đổi mới phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học.

Phối hợp nhiều phương pháp dạy học nhằm phát huy năng lực học tập của học sinh.

6. Tuyên truyền các văn bản hướng dẫn việc đánh giá học sinh cho giáo viên và cha mẹ học sinh.

Thực hiện đánh giá theo hướng động viên, khuyến khích, ghi nhận sự tiến bộ hằng ngày của từng học sinh, giúp học sinh cảm thấy tự tin và vui thích với các hoạt động học tập, chỉ đạo giáo viên linh hoạt các hình thức đánh giá thường xuyên. Thực hiện đánh giá học sinh trên phần mềm nhằm tăng cường tính minh bạch, giảm hồ sơ sổ sách cho giáo viên.

Tổ chức xây dựng đề kiểm tra định kì phù hợp với yêu cầu nội dung dạy học ở từng giai đoạn học tập của học sinh. Bài kiểm tra kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận, nội dung bài kiểm tra kết hợp giữa kiến thức đã học trong nhà trường và những nội dung vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống; theo các mức độ yêu cầu: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao. Đảm bảo trong các hoạt động dạy môn học và hoạt động giáo dục đều được đánh giá.

Trên đây là Báo cáo công khai Theo Thông từ 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ giáo dục và đào tạo, năm học 2025-2026 của Trường THPT Phạm Văn Đồng./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Trang Website;
- Bảng tin;
- Lưu: VT.

Lê Thế Hiển